TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2023/DS-ST Ngày: 06-3-2023 V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu

2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2022/TLST-DS ngày 12/12/2022 về việc "*tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-DS ngày 08/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn P, sinh năm ....

Địa chỉ: Số nhà bm, tổ , ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm ...

2. Ông Nguyễn Tấn H sinh năm …

Cùng địa chỉ: Tổ m, ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh P và bà C có mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Văn P trình bày:

Ngày 08/02/2021 (nhằm ngày 27 Tết âm lịch), bà C bị tai nạn xe nên nhờ anh P chở đến bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp may vết thương, bà C hỏi

mượn (vay không có lãi) của anh P số tiền 5.000.000 đồng, anh P thấy hoàn cảnh bà C khó khăn nên anh P cho mượn 5.000.000 đồng để bà C chữa bệnh và có sự đồng ý của chồng bà C là ông H. Việc cho vay không có làm biên nhận.

Thời hạn vay: Từ ngày 08/02/2021 đến ngày 13/02/2021 (nhằm ngày 27 Tết đến mùng 02 Tết âm lịch). Nhưng đến hạn trả nợ, bà C vẫn không trả và bảo rằng số tiền này là anh P đưa cho bà C nhờ bà C đưa cho người khác vay.

Nay, anh P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Tấn H có trách nhiệm liên đới trả số tiền 5.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, anh P thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh P chỉ yêu cầu bà C trả cho anh P số tiền 5.000.000 đồng, không yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới với bà C trả nợ cho anh P vì đây là khoản nợ của cá nhân bà C, không liên quan đến ông H. Anh P không thống nhất với lời trình bày của bà C về việc anh P nhờ bà C đưa tiền cho anh S, số tiền 5.000.000 đồng là tiền anh P cho bà C vay để chữa bệnh bà C phải có trách nhiệm trả nợ cho anh P số tiền 5.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi từ lúc bà C vi phạm nghĩa vụ, chỉ tính lãi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh P không có ý kiến, yêu cầu gì đối với anh S, vì trong vụ án này anh S không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì cả và anh P cũng không biết họ tên đầy đủ, năm sinh cũng như địa chỉ cư trú của anh S.

Về chứng cứ: Anh P có cung cấp văn bản trình bày nội dung ghi âm ngày 12/9/2022, ghi hình ngày 18/8/2022 và USB chứa các tệp ghi âm và ghi hình này đối với bà C để chứng minh việc bà C có nợ anh P số tiền 5.000.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà C có gặp tai nạn và bị thương nhưng đó chỉ là vết thương nhỏ, bà C không có mượn anh P số tiền 5.000.000 đồng để chữa bệnh hay trị thương gì cả.

Khoảng tháng 9/2020 (âm lịch) bà C có nhận của anh P số tiền 5.000.000 đồng để đưa số tiền này cho anh S (không rõ tên họ đầy đủ, năm sinh và nơi cư trú). Bởi vì, giữa bà C, anh P và anh S có mối quan hệ quen biết do cùng làm thuê tại vựa xoài nên bà C giúp anh P đưa tiền cho anh S vay vì anh P bảo với bà C là đã cho anh S vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng anh S vẫn chưa trả, nay anh S tiếp tục hỏi vay thêm 5.000.000 đồng thì sợ anh S không trả được nên anh P mới nhờ bà C đưa cho anh S 5.000.000 đồng

và nói với anh S rằng đây là tiền của bà C cho anh S vay để anh S có trách nhiệm trả nợ, khi nào anh S trả cho bà C thì bà C đưa lại cho anh P.

Đến khoảng tháng 3/2021 (âm lịch) anh S đã trả cho bà C số tiền 5.000.000 đồng vì anh S chỉ đồng ý trả tiền cho bà C chứ không đồng ý trả tiền cho anh P do khi đưa tiền cho anh S bà C nói rằng đây là tiền của bà cho anh S vay. Khi nhận được tiền của anh S, bà C có yêu cầu anh P qua nhà bà C nhận tiền và phải xin lỗi bà C, do trước đó hai bên có cãi vả với nhau liên quan đến số tiền này nhưng anh P không đến theo yêu cầu của bà C nên khoảng tháng 4/2021 (âm lịch) bà C đã chuyển trả lại anh S số tiền 5.000.000 đồng.

Do vậy, bà C không đồng ý trả cho anh P số tiền 5.000.000 đồng, khi nào bà C liên hệ được với anh S để yêu cầu anh S trả tiền thì bà C sẽ chuyển trả cho anh P. Bà C thống nhất việc anh P không yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới trả nợ vì đây là sự thỏa thuận giữa bà C và anh P, ông H không biết, không liên quan.

Đối với anh S, bà C không có yêu cầu quyền lợi hay trách nhiệm của anh S trong vụ án này. Hiện nay bà C cũng không liên hệ được với anh S vì anh S không còn sử dụng số điện thoại đã cung cấp cho bà C và bà C cũng không biết anh S đang cư trú tại đâu. Bà C xác định nếu buộc bà C phải trả tiền cho anh P thì bà C cũng không yêu cầu gì với anh S trong vụ án này.

Về chứng cứ mà anh P cung cấp bà C không có ý kiến.

Theo Đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Tấn H trình bày:

Ông H không biết và không có trách nhiệm hay liên quan gì đến số tiền 5.000.000 đồng. Khi anh P qua nhà để đòi tiền bà C thì ông H mới biết sự việc và có hỏi bà C về số tiền 5.000.000 đồng, bà C nói với ông H đây là tiền anh P đưa cho bà C để đưa cho anh S và ông H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh Võ Văn P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Tấn H cư trú tại xã T, thành phố C nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Anh P yêu cầu bà C trả số tiền vay 5.000.000 đồng, hình thức hợp đồng bằng lời nói. Bà C thừa nhận có nhận của anh P số tiền 5.000.000 đồng nhưng bà C không vay tiền của anh P mà giúp anh P đưa cho anh S vay. Anh P và bà C không có yêu cầu gì đối với anh S.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa anh P và bà C thực chất có giao dịch đối với số tiền 5.000.000 đồng, bà C thừa nhận có nhận của anh P số tiền này nhưng cho rằng đây không phải là tiền bà C vay của anh P mà bà C chỉ giúp anh P đưa cho anh S vay. Tuy nhiên, bà C không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của bà C nên lời phản bác của bà C không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định bà C có vay của anh P số tiền 5.000.000 đồng, theo hình thức hợp đồng bằng lời nói nên phải có trách nhiệm trả cho anh P số tiền này theo quy định tại Điều 119, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bên cạnh đó, nếu sự thật như lời trình bày của bà C thì bà C đã nhận từ anh S số tiền 5.000.000 đồng, lẽ ra bà C phải chuyển trả số tiền này cho anh P như đã thỏa thuận với anh P, vì theo lời trình bày của bà C tại phiên tòa, khi bà đưa tiền cho anh S bà cũng nói rõ đây là tiền của bà và anh S chỉ đồng ý trả tiền cho bà chứ không đồng ý trả tiền cho anh P, việc bà tự ý chuyển trả tiền cho anh S là không đúng thỏa thuận của bà với anh P, gây thiệt hại cho anh P nên bà phải có trách nhiệm trả tiền cho anh P. Trong vụ án này, cả bà C và anh P đều thống nhất không yêu cầu quyền lợi, trách nhiệm của anh S cũng như không cung cấp được họ tên, năm sinh, nơi cư trú của anh S. Do đó, bà C có thể khởi kiện anh S trong vụ án khác theo quy định pháp luật nếu có phát sinh tranh chấp.

Về tiền lãi: Anh P không yêu cầu bà C phải trả tiền lãi từ khi vi phạm nghĩa vụ đến trước ngày có đơn yêu cầu thi hành án, chỉ tính lãi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự là có lợi cho bà C và phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh P là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, anh P thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới với bà C trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[4] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 147, Điều 244, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn P.

Buộc bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho anh Võ Văn P số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Văn P được nhận tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011855 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân